

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2026/HS-PT

Ngày: 16-01-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Phước Hoà

Các Thẩm phán: ông Phùng Anh Dũng và bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thành An, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham
gia phiên tòa:* bà Phan Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân
tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số
268/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Lê Thị Mỹ D về
tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” do có
kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ
thẩm số 189/2025/HS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 05/9/1975 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ D, phường
A, thành phố Đà Nẵng; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; giới tính:
Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Khắc C
(sinh năm 1937) và bà Hoàng Thị D1 (sinh năm 1944); có chồng Nguyễn Thanh
H (sinh năm 1970) và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007;
Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/8/2024. Hiện đang bị
tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an thành phố Đ. Vắng mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Mỹ D:* Luật sư Trịnh Anh H1 - Công
ty L1 - Chi nhánh Đ. Địa chỉ: G B, phường N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

**** Bị hại:***

1. Bà Lê Thị Thanh T1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ E, phường C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ D, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

3. Công ty Cổ phần S. Đại diện theo pháp luật: Bà Đào Thị Ánh M; chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: 2 L, phường C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Bà Châu Trần Khánh V, sinh năm 1982. Địa chỉ: H N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Mỹ D và chồng là ông Nguyễn Thanh H sở hữu nhà đất đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 68, địa chỉ: C L, phường H, quận C, TP Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số BH240440 cấp ngày 14/12/2011, vợ chồng D đã thế chấp tài sản này tại Ngân hàng V1 Chi nhánh Đ từ ngày 21/4/2022 để vay vốn.

Khoảng giữa tháng 12/2023, Lê Thị Mỹ D cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân nên thông qua mạng xã hội zalo, D đã đặt làm giả 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Sau đó, D sử dụng những giấy tờ giả này để thế chấp vay mượn tiền của bà Lê Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Kim L và thế chấp cho Công ty cổ phần S để mua dầu Diesel và chiếm đoạt. Cụ thể:

1. Chiếm đoạt của bà Lê Thị Thanh T1 số tiền 366.000.000 đồng.

Lê Thị Mỹ D và bà T1 có quan hệ quen biết nhau. Từ năm 2019 đến đầu tháng 12/2023, D thường vay mượn tiền của bà T1 có trả lãi suất từ 4% đến 6%/tháng. Quá trình mượn tiền, D trả tiền vay và tiền lãi đầy đủ, tính đến đầu tháng 12/2023, D còn nợ của bà T1 tổng số tiền 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*). Khoảng giữa tháng 12/2023, D làm ăn thua lỗ, cần tiền trả nợ nên tiếp tục hỏi mượn tiền nhưng bà T1 không đồng ý và nói muốn mượn thêm thì phải có tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay mới. Nghe vậy, D đã đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đem thế chấp cho bà T1, bà T1 tin tưởng nên tiếp tục cho D vay tiền.

Từ ngày 14/12/2023 đến ngày 15/3/2024, bà T1 đã cho D vay số tiền 366.000.000 đồng và bị chiếm đoạt. Quá trình thực hiện hành vi gian dối chiếm

đoạt tiền của bà T1, để tạo thêm niềm tin, D đã sử dụng 01 phần tiền chiếm đoạt là 30.000.000 đồng để trả lãi cho khoản vay của bà T1.

Số tiền chiếm đoạt còn lại, D sử dụng để trả nợ cho công ty cổ phần S 90.000.000 đồng; trả nợ cho ông Nguyễn Thái H2 60.000.000 đồng; trả nợ cho bà C1 Trần Khánh V 40.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Bà T1 yêu cầu D trả lại số tiền còn chiếm đoạt là 336.000.000 đồng.

2. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 250.000.000 đồng.

Lê Thị Mỹ D với bà Nguyễn Thị Kim L là hàng xóm của nhau. Từ năm 2020 đến năm 2022, D vay của bà L tổng số tiền 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*), quá trình vay mượn, D trả lãi cho bà L 5%/tháng. Đến tháng 5/2024, D tiếp tục hỏi mượn tiền nhưng bà L không đồng ý, yêu cầu D phải trả khoản nợ trước đó. D nhiều lần năm nỉ mượn tiền nên bà L nói muốn mượn thêm tiền thì phải có tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay. D đã sử dụng GCNQSDĐ đặt làm giả trước đó thế chấp cho bà L. Bà L đã tin tưởng nên từ ngày 07/5/2024 đến ngày 10/5/2024 đã cho D vay tiền số tiền 250.000.000 đồng và bị chiếm đoạt.

Khi phát hiện hành vi phạm tội của D, bà L đã làm đơn tố cáo. Lúc này, D và gia đình đã trả lại toàn bộ số tiền 250.000.000 đồng nên bà L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho D.

3. Chiếm đoạt của Công ty Cổ phần S, địa chỉ 251-257 L, phường C, TP Đà Nẵng 24.000 lít dầu DO 005S-II trị giá 477.360.000 đồng.

Công ty TNHH MTV T4 do Lê Thị Mỹ D làm Giám đốc thường mua xăng dầu tại Cửa hàng xăng dầu Á, thuộc Công ty Cổ phần S, bà Đào Thị Ánh M là Giám đốc và ông Nguyễn Đăng T2 là Cửa hàng trưởng, để bán lại cho những nơi khác. Đến cuối tháng 3/2024, D còn nợ Công ty Cổ phần S số tiền 377.021.000 đồng (*ba trăm bảy mươi bảy triệu không trăm hai mươi một ngàn đồng*).

Cuối tháng 4 đầu tháng 5/2024, D liên hệ ông T2 để mua nợ dầu, nhưng ông T2 không bán và yêu cầu D thanh toán hết số tiền nợ cũ. Lúc này, D đem GCNQSDĐ giả đến thế chấp cho ông T2, mạo danh chồng là ông Nguyễn Thanh H gọi điện thoại, nhắn tin với ông T2 hứa hẹn trả nợ cũ...làm cho ông T2 tin tưởng cung cấp dầu DO cho D và bị chiếm đoạt, cụ thể:

- Ngày 10/5/2024, ông T2 cung cấp cho D 8000 lít dầu Diesel trị giá 158.720.000 đồng (*một trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng*). Để tạo sự tin tưởng với ông T2, ngày 14/5/2024, D trả đủ cho Cửa hàng xăng dầu Ánh M số tiền nêu trên.

- Ngày 14/6/2024, D đến Cửa hàng X mua tiếp 8000 lít dầu Diesel trị giá 157.120.000 đồng (*một trăm năm mươi bảy triệu một trăm hai mươi ngàn đồng*), do D vẫn còn thế chấp giấy CNQSDĐ nên ông T2 đã bán nợ dầu cho D. Số dầu chiếm đoạt, D đem bán cho công ty TNHH T5, địa chỉ đường số G Khu công nghiệp H và lấy tiền sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

- Ngày 26/7/2024, D sợ bị ông T2 phát hiện GCNQSDĐ đã thế chấp để mua dầu là giả nên D hẹn ông T2 đến Phòng giao dịch Ngân hàng V2, địa chỉ: đường Ô, TP Đà Nẵng để trả nợ tiền dầu mua từ tháng 3/2024 với số tiền 150.000.000 đồng và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông T2 trả lại giấy CNQSDĐ, D đã tiêu hủy giấy này. Chiều cùng ngày, D tiếp tục yêu cầu ông T2 bán nợ thêm 8000 lít dầu Diesel trị giá 161.520.000 đồng (*một trăm sáu mươi một triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng*), cam kết 10 ngày sau sẽ trả, ông T2 tin tưởng nên đã cung cấp dầu cho D. Số dầu chiếm đoạt, D bán cho Công ty T5 và lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Công ty CP S yêu cầu Lê Thị Mỹ D bồi thường trị giá 16.000 lít dầu Diesel tương đương số tiền 318.640.000 đồng.

** Vật chứng tạm giữ:*

- 01(một) điện thoại Iphone Xsmax số seri: C39XM203KPJ2 (thu giữ của Lê Thị Mỹ D).

- 02 (hai) giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa 98, tờ bản đồ 68, địa chỉ C L, phường H, TP Đà Nẵng (do bà L và bà T1 giao nộp).

** Về kết quả giám định:*

Kết luận giám định số 548/KL-KTHS ngày 11/7/2024 và số 890/KL-KTHS ngày 31/10/2024 của Phòng K Công an T kết luận: “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” mẫu cần giám định ký hiệu A và A1 là giả.

Chữ viết mang tên Lê Thị Mỹ D trên mẫu cần giám định (giấy mượn lại bìà đồ ghi ngày 07/5/2024) ký hiệu A2 so với chữ viết của Lê Thị Mỹ D trên các mẫu so sánh ký hiệu M4 và M5 do cùng một người viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 189/2025/HS-ST ngày 30/9/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

“1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Mỹ D phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1.1 Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Lê Thị Mỹ D 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.2 Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Lê Thị Mỹ D 3 (ba) năm tù về tội “ Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1.3 Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Thị Mỹ D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 16/8/2024.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Buộc cá nhân, tổ chức sau phải nộp lại số tiền tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng:

Buộc ông Nguyễn Thái H2 phải nộp lại số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Buộc bà C1 Trần Khánh V phải nộp lại số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Buộc ông Lê Hoàng H3 phải nộp lại số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị H4 phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L nộp lại số tiền 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng).

Buộc Cửa hàng xăng dầu số 1 Á thuộc Công ty cổ phần S (do ông Nguyễn Đăng T2 là cửa hàng trưởng) nộp lại số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Bị hại bà Lê Thị Thanh T1 được nhận số tiền 265.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng) mà các cá nhân trên phải có nghĩa vụ phải nộp lại tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.”

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/10/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C1 Trần Khánh V có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng không buộc B phải nộp lại số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Tòa án cấp sơ xét xử bị cáo Lê Thị Mỹ D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Sau khi chiếm đoạt được tiền từ bị hại, bị cáo đã chuyển khoản cho chị C1 Trần Khánh V 40.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Khánh V phải trả lại bị hại số tiền trên là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của chị C1 Trần Khánh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

[1] Theo bản án hình sự sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tang vật thu giữ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có đủ cơ sở xác định: Để có tiền tiêu xài và trả nợ, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2023 đến tháng 9/2024, Lê Thị Mỹ D đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp cho bà Lê Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Kim L và Cửa hàng X để chiếm đoạt với tổng số tiền 1.093.360.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Lê Thị Mỹ D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Bị cáo không có kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của bà Châu Trần Khánh V:

Bị hại Lê Thị Thanh T3 đã chuyển tiền cho bị cáo theo tài khoản số 0041000281188 của Ngân hàng V3 mang tên Lê Thị Mỹ D.

Ngày 14/12/2023, bị cáo Lê Thị Mỹ D tiếp tục sử dụng tài khoản số 0041000281188 để chuyển số tiền 40.000.000 đồng cho bà C1 Trần Khánh V theo tài khoản số 108867024608 của Ngân hàng V4 mang tên Châu Trần Khánh V. (b1 440)

Như vậy, số tiền 40.000.000 đồng mà bị cáo chuyển khoản cho bà Khánh V được xác định là vật chứng của vụ án.

Tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về xử lý vật chứng như sau:

“3. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

...

b) Trả lại vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án”.

Đối chiếu quy định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà Khánh V phải trả lại số tiền 40.000.000 đồng (là vật chứng) cho bị hại là đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Châu Trần Khánh V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Châu Trần Khánh V. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 189/2025/HS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần biện pháp tư pháp.

Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

1. Về biện pháp tư pháp:

Buộc cá nhân, tổ chức sau phải nộp lại số tiền tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng:

Buộc ông Nguyễn Thái H2 phải nộp lại số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Buộc bà C1 Trần Khánh V phải nộp lại số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Buộc ông Lê Hoàng H3 phải nộp lại số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị H4 phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L nộp lại số tiền 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng).

Buộc Cửa hàng xăng dầu số 1 Á thuộc Công ty cổ phần S (do ông Nguyễn Đăng T2 là cửa hàng trưởng) nộp lại số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Bị hại bà Lê Thị Thanh T1 được nhận số tiền 265.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng) mà các cá nhân trên phải có nghĩa vụ phải nộp lại tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

2. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị như hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Mỹ D nên không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện công tố và KSXX PT tại Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an TP. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Phước Hòa